



## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

PHẠM THỊ HUYỀN \*

**Tóm tắt:** Khoa học và công nghệ được Đảng và Nhà nước ta coi là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Trong những năm qua, nhiều văn bản quan trọng về khoa học và công nghệ đã được ban hành. Để đưa các chủ trương và chính sách của Đảng, các quy định của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống rất cần có sự quản lý Nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ nhìn chung đã có nhiều đổi mới nhưng vẫn còn một số hạn chế nhất định. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đưa ra thực trạng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

**Từ khóa:** Quản lý nhà nước, khoa học, công nghệ.

**Abstract:** Science and technology are considered by our Party and Government as the top national policies, a key driving force for the country's rapid and sustainable development. Over the years, many important documents on science and technology have been issued. To bring the Party's guidelines and policies, the State's regulations into practice, it is necessary to have the State management in the field of science and technology. State management of Science and Technology has generally had many innovations but still has certain limitations. In this

article, we will present the state management state of science and technology, thereby proposing some solutions to strengthen the state management of science and technology.

**Keywords:** State management, science, technology.

### 1. Dẫn nhập

Khoa học và công nghệ (KH&CN) có thể hiểu một cách chung nhất là một tập hợp những hoạt động có hệ thống, có sự sáng tạo với mục đích chính là phát triển kiến thức liên quan đến con người, tự nhiên và xã hội. Hoạt động KH&CN chính là hoạt động nghiên cứu khoa học, triển khai các thực nghiệm, tiến hành phát triển công nghệ và các ứng dụng của công nghệ cùng với dịch vụ khoa học - công nghệ. Từ đó có thể phát huy toàn bộ sáng kiến, hoạt động sáng tạo để phát triển KH&CN.

Đối với Việt Nam, KH&CN được Đảng và Nhà nước ta coi là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững; là một yếu tố có tác động to lớn đến việc tăng trưởng và phát triển kinh tế; là chìa khóa cho việc hội nhập thành công,

\* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: phamhuyenvtd@gmail.com

rút ngắn quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước bắt kịp với các quốc gia khác trên thế giới.

Chính vì vậy, trong thời gian qua đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, nhiều văn bản quan trọng về định hướng chiến lược và cơ chế chính sách phát triển KH&CN đã được ban hành. Để đưa các chủ trương và chính sách của Đảng, các quy định của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống, nhằm phát huy vai trò của KH&CN rất cần có sự quản lý nhà nước về lĩnh vực KH&CN. Quản lý nhà nước về hoạt động KH&CN là dạng quản lý xã hội mang tính quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi của con người trong lĩnh vực hoạt động KH&CN. Bài viết sẽ nêu thực trạng quản lý nhà nước về KH&CN trong thời gian qua, đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về KH&CN.

## **2. Thực trạng quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ**

### **2.1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ**

#### *2.1.1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở Trung ương*

- Chính phủ: Theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về KH&CN, chỉ đạo thực hiện chính sách, kế hoạch phát triển KH&CN; ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH&CN; quyết định chính sách cụ thể về KH&CN; huy động các nguồn lực xã hội để phát triển KH&CN, đa dạng hóa và sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư phát triển KH&CN; ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN hiện đại, công nghệ cao, khoa học cơ bản; chú trọng các lĩnh vực công nghệ mà Việt Nam có thế mạnh; xây dựng cơ chế, chính sách để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động KH&CN.

- Hội đồng Chính sách KH&CN Quốc gia:

cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề quan trọng liên quan đến phát triển KH&CN.

- Bộ KH&CN: cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực KH&CN,...

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ: thực hiện quản lý nhà nước về KH&CN và chịu trách nhiệm về hoạt động KH&CN trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

#### *2.1.2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương*

- Sở KH&CN: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về KH&CN.

- Cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện: thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

### **2.2. Cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ**

- Các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng: Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IV (ngày 01.7.2004) về *phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đến năm 2020; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI năm 2011); Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01.11.2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về *phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*; Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016) về KH&CN.

- Các văn bản pháp luật: Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật KH&CN năm 2013; Quyết định số 735/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18.5.2011 về *Đề án hội nhập quốc tế về KH&CN đến năm 2020*; Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11.4.2012 về *Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020, hiện thực hóa các chủ trương của Đảng về phát triển KH&CN*; Quyết định số 1747/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13.10.2015 về *hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025*; Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11.12.2015 của Thủ tướng của Chính phủ về *Đề án Tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế*; Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18.5.2016 của Thủ tướng Chính phủ *phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”*; Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 3.4.2017 của Bộ KH&CN *sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26.5.2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước*; Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26.6.2017 của Bộ KH&CN *Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước*; Quyết định số 2813/QĐ-BKHCN ngày 27.9.2018 của Bộ KH&CN *Phê duyệt Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025: “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0”*; Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12.4.2018 của Bộ KH&CN *quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”*,...

### **2.3. Quy trình tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ**

Tùy thuộc vào mỗi loại hình tổ chức của mỗi hoạt động nghiên cứu để có thể vận dụng linh hoạt thích hợp với từng yêu cầu và hình thức hoạt động cụ thể. Trong đó, quy trình tiến hành hoạt động của các chương trình, đề tài, dự án là phức tạp nhất, theo 4 giai đoạn sau:

- Xây dựng, lựa chọn và xét duyệt nhiệm vụ: hình thành được các nội dung nhiệm vụ nghiên cứu, xác định được người và nơi chủ trì thực hiện, thành viên tham gia, dự kiến nhu cầu kinh phí, đưa ra xem xét tại Hội đồng tư vấn, phê duyệt.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện: áp dụng các biện pháp tổ chức quản lý để bảo đảm tiến hành đúng yêu cầu đã được phê duyệt, thực hiện các nghiệp vụ quản lý theo quy chế: ký kết hợp đồng, chi tiết hóa các công việc, xác định tiến độ triển khai, phân công người thực hiện từng việc, phân bổ kinh phí cho toàn bộ các khâu trong quá trình triển khai nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ.

- Đánh giá nghiệm thu kết quả: đối với nghiệm thu từng phần của đề tài, dự án không cần thành lập Hội đồng, chỉ cần tiến hành với sự có mặt của Chủ nhiệm đề tài/dự án, đại diện đơn vị chủ trì, đại diện bộ phận tài chính kế toán, những thành viên chủ chốt, những người thực hiện phần nghiệm thu. Đối chiếu kết quả với hợp đồng và xác nhận mức độ kết quả đạt được của phần việc được nghiệm thu. Sau khi nghiệm thu từng phần, đơn vị chủ trì cần tổ chức đánh giá nghiệm thu nội bộ. Sau khi được Hội đồng nghiệm thu nội bộ góp ý, chủ nhiệm đề tài phải sửa chữa hoàn chỉnh báo cáo, chuẩn bị các thủ tục xin nghiệm thu chính thức. Đây là khâu quyết định cho việc kết thúc hoạt động của một nhiệm vụ nghiên cứu. Các sản phẩm nộp nghiệm thu chính thức gồm: báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, báo cáo kiến

ngiht, báo cáo quyết toán kinh phí, báo cáo chuyên đề, các ấn phẩm và bài báo khoa học, các tài liệu đã mua hoặc thu thập được. Các đề tài, dự án sau khi đã được Hội đồng nghiệm thu thông qua, cơ quan quản lý KH&CN phải thực hiện công việc cuối cùng là làm biên bản nghiệm thu và biên bản thanh lý hợp đồng để kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu.

- Công bố và ứng dụng kết quả: đối với các đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ ngành, cấp cơ sở của các cơ quan nghiên cứu khoa học và các trường đại học ở Trung ương thì đăng ký tại Trung tâm Thông tin Tư liệu KH&CN Quốc gia. Đối với các đề tài của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện thì đăng ký trong từng Bộ phụ trách. Đối với các đề tài cấp tỉnh, thành phố và đề tài cấp cơ sở thuộc phạm vi tỉnh, thành phố quản lý thì việc đăng ký kết quả nghiên cứu do Sở KH&CN tỉnh, thành phố phụ trách.

Việc công bố kết quả nghiên cứu chủ yếu do Chủ nhiệm đề tài hoặc đơn vị chủ trì tiến hành. Các nội dung công bố có thể là từng phần hoặc toàn bộ kết quả nghiên cứu.

Đối với kết quả nghiên cứu ngành kỹ thuật - công nghệ sau khi được công nhận có tính mới và có giá trị ứng dụng rộng rãi, được chuyển thành các tiến bộ khoa học - kỹ thuật đưa vào ứng dụng trong các ngành kinh tế - kỹ thuật. Đối với kết quả nghiên cứu ngành khoa học xã hội và nhân văn, việc ứng dụng vào thực tiễn có phần khó khăn hơn bởi có nhiều yếu tố ràng buộc.

#### **2.4. Thanh tra, kiểm tra hoạt động khoa học và công nghệ**

Đây là biện pháp nhằm xem xét, đánh giá các hoạt động của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có thực hiện đúng các quy định của Nhà nước hay không. Thanh tra, kiểm tra hoạt động KH&CN bao gồm: thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật về

KH&CN; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kinh phí nghiên cứu khoa học; xác minh, kết luận, kiến nghị biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN.

#### **2.5. Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

##### *2.5.1. Về bộ máy quản lý*

Hệ thống quản lý KH&CN của nước ta cho đến nay đã được củng cố và hoàn thiện đáng kể từ Trung ương, địa phương đến cơ sở. Tuy nhiên, việc thực thi các chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN của các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, tính thực thi của các quyết định chưa cao, nhất là vấn đề hoạch định chính sách phát triển KH&CN, xây dựng cơ chế quản lý KH&CN.

Hệ thống tổ chức các cơ quan nghiên cứu - triển khai tuy đã được sắp xếp tinh gọn nhưng vẫn còn trùng lặp, chưa đồng bộ, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, giảng dạy với thực tiễn sản xuất - kinh doanh và với quốc phòng - an ninh; giữa các ngành khoa học, giữa khoa học tự nhiên và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn.

##### *2.5.2. Về cơ chế chính sách*

Trong thời gian qua, nhiều văn bản pháp quy về KH&CN đã được ban hành và hướng dẫn áp dụng thống nhất. Tuy nhiên, hệ thống văn bản vẫn còn chồng chéo, phức tạp, lại liên tục được sửa đổi, bổ sung gây khó khăn cho việc thực hiện trong thực tế. Các quy phạm pháp luật điều chỉnh về KH&CN được quy định ở một số văn bản khác nhau, do nhiều cơ quan ban hành ở nhiều thời điểm khác nhau, do vậy vẫn có những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo.

Giữa các quy định của pháp luật hiện hành (Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đất đai, các luật về thuế, Luật Công chức) với văn bản trong lĩnh vực KH&CN còn thiếu đồng bộ.

Một số quy định của các văn bản pháp luật chưa có quy định đặc thù cho KH&CN (ví dụ: chính sách thuế đối với hoạt động KH&CN của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước). Một số nội dung tại các nghị định, thông tư còn thiếu thống nhất, chưa rõ ràng, có nội dung đã hết hiệu lực nhưng chậm sửa đổi, bổ sung.

Các quy định và thủ tục thanh toán kinh phí trong KH&CN còn rườm rà và phức tạp, chưa được điều chỉnh kịp thời; định mức chi chưa phù hợp, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội; thủ tục hành chính còn phức tạp.

Công tác phối hợp ban hành văn bản và theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn thực hiện ở một số Bộ, ngành và địa phương chưa chặt chẽ, nhất là về đầu tư phát triển cho KH&CN (giữa Bộ KH&CN với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong hướng dẫn các địa phương về chi đầu tư phát triển, chưa thống nhất về tiêu chí chi đầu tư phát triển, tổng hợp kinh phí đầu tư phát triển,...).

Việc thông tin, tuyên truyền văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN chưa được tổ chức kịp thời, thường xuyên, sâu rộng tới các đối tượng thực hiện nên có những tổ chức, cá nhân chưa quán triệt được đầy đủ nội dung các quy định đã ban hành.

#### 2.5.3. Về quy trình tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ

Quy trình tiến hành hoạt động KH&CN trong thời gian qua đã có nhiều đổi mới. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

- Thành viên hội đồng tư vấn, hội đồng nghiệm thu chủ yếu là các nhà khoa học hiện đang làm công tác lãnh đạo, quản lý nên không có thời gian nghiên cứu kỹ vấn đề, nhiều thành viên hội đồng còn vị nể nên kết quả đánh giá đề tài có khi không hoàn toàn chính xác.

- Trong đánh giá chuyên môn của nhiệm vụ nghiên cứu chưa có tiêu chí rõ ràng, nên việc

xét đoán công sức của nhà khoa học trong quá trình thực hiện nhiều khi đành dựa vào số trang, số chữ được viết ra.

- Ranh giới giữa các loại kết quả nghiệm thu không rõ ràng. Trên thực tế, hầu như các đề tài được đánh giá xếp loại xuất sắc hoặc khá. Các đánh giá như vậy đã tạo tâm lý không tốt trong giới khoa học, không động viên khuyến khích được các nhà khoa học có trình độ, có tinh thần làm việc nghiêm túc và có niềm đam mê khoa học.

- Kết quả nghiên cứu khó ứng dụng vào thực tế sản xuất và đời sống bởi hiện nay chưa có cơ chế ràng buộc về trách nhiệm của các cơ quan trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu để mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Đối với những người có kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất thì chế độ đãi ngộ cũng chưa thỏa đáng. Đề tài nghiên cứu chưa đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của thực tế. Vốn dành cho thử nghiệm kết quả nghiên cứu quá ít.

#### 2.5.4. Về hoạt động thanh tra, kiểm tra

Theo quy định hiện hành, hiện nay công tác thanh tra, kiểm tra đối với các hoạt động nghiên cứu chưa có văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, chỉ được quy định trong các văn bản dưới luật. Các cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra cũng chưa được thành lập chuyên trách mà chủ yếu vẫn do các cơ quan quản lý các hoạt động nghiên cứu tiến hành.

### 3. Giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

#### 3.1. Xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật

- Xây dựng thể chế: đồng bộ Luật KH&CN với các văn bản pháp luật khác của Nhà nước để thống nhất quản lý nhà nước bằng pháp luật nhưng không hành chính hóa hoạt động KH&CN. Xây dựng chiến lược phát triển KH&CN nhằm định hướng cho hoạt động

KH&CN phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý nhà nước về KH&CN: giảm bớt đầu mối trung gian, chuyển các cơ sở nghiên cứu khoa học chuyên ngành về các tổng công ty và các doanh nghiệp lớn; thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học, bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất từ một trung tâm, đồng thời đảm bảo tính độc lập, sáng tạo của từng cơ sở nghiên cứu, từng nhà khoa học trong mối quan hệ hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau; xóa bỏ đặc quyền, đặc lợi trong các cơ quan nghiên cứu KH&CN; lấy nghiên cứu ứng dụng là chủ yếu, chú ý nghiên cứu lý luận, tổ chức nghiên cứu cơ bản ở mức độ thích hợp, phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN, tăng cường nhân sự, cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### 3.2. *Đổi mới quy trình thực hiện*

- Tiếp tục tổ chức công tác nghiên cứu theo chương trình mục tiêu. Các nhiệm vụ nghiên cứu thuộc chương trình phải thực sự là nhiệm vụ KH&CN vừa mang tính liên ngành, vừa thể hiện được mục tiêu ưu tiên quốc gia, là những vấn đề KH&CN lớn nhằm nâng cao trình độ KH&CN của đất nước và phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Các đề xuất về nhiệm vụ KH&CN cần phải được tập hợp từ nhiều nguồn: từ các bộ ngành, các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp, các nhà khoa học và từ các đề tài đặt hàng của Nhà nước. Cần thành lập các hội đồng tư vấn để xem xét, lựa chọn những nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu của chương trình.

- Thực hiện công khai, dân chủ, bình đẳng việc tuyển chọn trong các tổ chức, cá nhân chủ

trì đề tài/dự án KH&CN nhằm tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, thu hút nhiều cán bộ giỏi tham gia.

- Xây dựng các chính sách và biện pháp khuyến khích các bên áp dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn cho việc thực hiện các đề tài, chú ý xem xét các đề tài của các doanh nghiệp có sự góp vốn của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

- Đổi mới cơ chế xét duyệt, đánh giá nghiệm thu các đề tài: xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá cụ thể, nghiên cứu và áp dụng phương pháp đánh giá giữa kỳ và đánh giá sau nghiệm thu nhằm phổ biến và nhân rộng các kết quả KH&CN.

### 3.3. *Tăng cường đầu tư kinh phí*

- Huy động nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước tham gia hoạt động nghiên cứu KH&CN, đặc biệt là các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách. Xây dựng cơ chế gắn kết giữa nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước dành cho nghiên cứu KH&CN với nguồn kinh phí để ứng dụng, sản xuất, thương mại hóa sản phẩm.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

### 3.4. *Tăng cường hợp tác quốc tế*

- Thực hiện đa dạng hóa loại hình quan hệ và hợp tác nhằm tranh thủ tri thức và công nghệ nhân loại.

- Lồng ghép thống nhất các nội dung hợp tác quốc tế về kinh tế với hợp tác quốc tế về KH&CN.

- Cần có chính sách và cơ chế ưu đãi thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở nước ngoài.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ KH&CN tham gia các hội nghị quốc tế,...

### 3.5. *Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra*

- Ban hành các văn bản quy phạm có giá trị pháp lý cao về công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động KH&CN.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra chuyên ngành trong từng lĩnh vực KH&CN.

## 4. Kết luận

Quản lý nhà nước về KH&CN cho đến nay đã được củng cố và hoàn thiện đáng kể. Có được những thành tựu trên đây, trước hết là do đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự đổi mới cơ chế quản lý về KH&CN. Đội ngũ cán bộ KH&CN được đào tạo có trình độ chuyên môn cao và thích nghi với cơ chế mới; quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về KH&CN được mở rộng.

Bên cạnh đó vẫn còn có những hạn chế nhất định như: chưa huy động và khai thác tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động nghiên cứu KH&CN. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu chuyên nghiệp ở các tổ chức

KH&CN còn mỏng so với yêu cầu, đặc biệt là lực lượng cán bộ nghiên cứu trình độ cao. Nhu cầu nghiên cứu KH&CN ngày càng gia tăng nhưng kinh phí hàng năm chỉ cho KH&CN còn hạn chế,...

Để khắc phục những hạn chế trên và tăng hiệu quả quản lý về KH&CN cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách. Thực hiện công khai minh bạch tất cả các khâu trong nghiên cứu từ đầu vào đến đầu ra, truyền cảm hứng cho các bạn sinh viên trẻ mới ra trường tinh thần lập nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp. Ngoài ra, cần phải nâng cao nhận thức chung của các cấp ủy Đảng, chính quyền và của toàn xã hội về vai trò, vị trí của KH&CN đối với phát triển kinh tế - xã hội.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn An Hà, *Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về Khoa học và công nghệ trong giai đoạn phát triển mới, Nghiên cứu Châu Âu*, số 9, 2016.

[2] Nguyễn Sĩ Lộc (Chủ biên), *Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và môi trường*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2000.

[3] Luật Khoa học và công nghệ năm 2013.

[4] Luật Tổ chức Chính phủ 2015.

[5] Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01.11.2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

[6] <http://chicuctdc.gov.vn>

[7] <http://tapchitaichinh.vn>